TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 654/2023/HC-PT
Ngày: 31/8/2023
Về việc Khiếu khiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Quang Dũng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân

Bà Nguyễn Ngọc Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nữ Quỳnh Trâm, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Lê Đỗ Quyên- Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm, công khai vụ án hành chính thụ lý số 370/2023/TLPT-HC ngày 19 tháng 5 năm 2023 do có kháng cáo của người khởi kiện, đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2023/HC-ST ngày 09 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Q.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 9310/2023/QĐ-PT ngày 09 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1956 (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1982; Cùng địa chỉ: Thôn 26, xã K, thành phố Q, tỉnh Q, theo giấy ủy quyền ngày 21/11/2022 (Có mặt).

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân tỉnh Q.

Địa chỉ: Số 160 đường Q2, phường Q1, thành phố Q, tỉnh Q.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn S, chức vụ: Chủ tịch UBND tỉnh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thế G, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND tỉnh Q, theo giấy ủy quyền số 51/UQ-CT ngày 29/10/2022 (Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty cổ phần chè M.

Địa chỉ: Thôn Y3, xã Y2, huyện Y, tỉnh Q.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Quang Ch, chức vụ: Giám đốc (Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1982 và chị Ngô Thị A, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: Thôn 26, xã K, thành phố Q, tỉnh Q. (Anh T có mặt).

Chị Ngô Thị A ủy quyền cho ông Phạm Văn B, sinh năm 1956; Địa chỉ: Thôn Y4, Xã Y2, huyện Y, tỉnh Q (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, người khởi kiện trình bày*:

Ngày 25/11/1999, bà Nguyễn Thị V ký hợp đồng giao khoán với Xưởng chè T10 - Công ty chè L với diện tích 5.960m^2, tại thửa số 9, tờ bản đồ số 19, thời hạn giao khoán là 50 năm và không thu tiền sử dụng đất. Đến năm 2000, công ty chè L tách Xưởng chè T10 thành Công ty chè M (doanh nghiệp Nhà nước). Đến năm 2009, Công ty chè M giải thể và Nhà nước có chủ trương cổ phần hóa doanh nghiệp, từ đó Công ty chè M cổ phần hóa thành Công ty cổ phần Chè M, theo Quyết định số 591 của UBND tỉnh chỉ cổ phần hóa nhà máy không cổ phần hóa vườn chè đất nông nghiệp. Từ đó đến nay gia đình bà V vẫn sử dụng và sản xuất ổn định không có tranh chấp gì. Đến năm 2021, Công ty cổ phần chè M đã khởi kiện gia đình bà V ra Tòa để yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng giao khoán, lúc này bà V mới biết Quyết định số 198/QĐ-UBND ngày 18/6/2013 của UBND tỉnh Q đã lấy đất của gia đình bà V mà không có trình tự và thông báo, quyết định thu hồi đất mà đã đem diện tích của gia đình bà V cho Công ty cổ phần chè M thuê. Gia đình bà V vẫn đang thực hiện canh tác sản xuất trên đất giao khoán với công ty chè M với thời hạn là 50 năm nhưng hiện nay Công ty cổ phần chè M đang khởi kiện gia đình bà tại Tòa án thành phố Q vụ kiện tranh chấp hợp đồng giao khoán đề nghị hủy hợp đồng giao khoán của gia đình bà. Bà V xác định Quyết định số 198/QĐ-UBND ngày 18/6/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Q đã thu hồi đất của gia đình bà để giao cho Công ty cổ phần chè M thuê đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà theo quy định tại Điều 53 Luật đất đai năm 2013 và khoản 5 Điều 26 Luật đất đai năm 2013. Bà V yêu cầu Tòa án giải quyết hủy một phần Quyết định số 198/QĐ-UBND ngày 18/6/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Q về việc thu hồi đất, giao đất và cho thuê đất để thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của Công ty cổ phần chè M tại xã Y1, huyện Y phần liên quan đến thửa thửa số 16, tờ bản đồ số 20, diện tích 6.068,7m^2.

** Người bị kiện trình bày*:

Thực hiện chủ trương đổi mới Công ty chè trong cả nước, Ủy ban nhân dân tỉnh Q ban hành Quyết định số 198/QĐ-UBND ngày 18/6/2013 về việc thu

hồi đất, giao đất và cho thuê đất để thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của Công ty cổ phần chè M. Tại khoản 6, Điều 6 Nghị định số 170/2004/NĐ-CP ngày 22/9/2004 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới tổ chức, cơ chế quản lý và chính sách đối với các nông trường quốc doanh có nêu rất rõ: "Đối với diện tích đất đã thực hiện khoán đến hộ công nhân và người lao động nếu thực hiện đúng hợp đồng, sử dụng đúng mục đích thì hộ nhận khoán được tiếp tục sử dụng đất đai theo hợp đồng đã ký kết và có điều chỉnh, bổ sung phù hợp trách nhiệm quản lý đất đai của nông trường. Những diện tích đất khoán trắng cho người nhận khoán (thực chất là cho thuê đất), thì phải làm thủ tục thu hồi đất và chuyển sang hình thức giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai". Việc các hộ nhận khoán theo hợp đồng giao khoán ký kết theo Nghị định số 01/1999 của Chính phủ thời hạn nhận khoán là 50 năm, bên giao khoán là Xưởng chè T10, các hộ dân vẫn được canh tác, sản xuất trên đất. Việc thực hiện hợp đồng giao khoán là giao dịch dân sự giữa Công ty cổ phần chè M và các hộ dân nhận khoán, Công ty chè vẫn là chủ sử dụng đất và việc thu hồi đất mục đích là chuyển chủ thể chứ không thực hiện giải phóng mặt bằng, các hộ dân vẫn tiếp tục thực hiện theo hợp đồng giao khoán.

Việc UBND tỉnh ra quyết định thu hồi đất giao đất và cho thuê đất để thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của Công ty cổ phần chè M là thực hiện theo chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 16/6/2013 về tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển nông, lâm trường quốc doanh.

- Về thẩm quyền thu hồi đất: Ủy ban nhân dân tỉnh Q ban hành Quyết định số 198/QĐ-UBND ngày 18/6/2013 là đúng thẩm quyền, theo các quy định tại khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 44 của Luật Đất đai năm 2003, ý a điểm 4.1 khoản 4 mục II Thông tư số 04/2005/TT-BTNMT ngày 18/7/2005 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Việc Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 198/QĐ-UBND ngày 18/6/2013 về việc thu hồi, giao đất và cho thuê đất để thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của Công ty cổ phần chè M tại xã Y1, huyện Y:

Về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của Công ty cổ phần chè M:

- Trên cơ sở đề án sắp xếp, đổi mới và phát triển được duyệt, Công ty cổ phần Chè M đã lập hồ sơ quy hoạch sử dụng đất, trình cơ quan chuyên môn và cơ quan có thẩm quyền tại Tờ trình số 98/TT-CML ngày 30/6/2009 về việc đề nghị xét duyệt quy hoạch sử dụng đất chi tiết đến năm 2010.

- Sở Tài nguyên và Môi trường đã chủ trì, phối hợp với các ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân huyện Y đã thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Tờ trình số 238/TTr-TNMT ngày 29/7/2009 về việc đề nghị xét duyệt quy

hoạch sử dụng đất chi tiết đến năm 2010 của Công ty cổ phần chè M, huyện Y, tỉnh Q.

- Ngày 05/8/2009, Ủy ban nhân dân tỉnh Q đã ban hành Quyết định số 257/QĐ-UBND về việc phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết đến năm 2010 của Công ty cổ phần chè M, huyện Y, tỉnh Q.

Việc Ủy ban nhân dân tỉnh Q phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết đến năm 2010 của Công ty cổ phần chè M tại Quyết định số 257/QĐ-UBND ngày 05/8/2009 là phù hợp với quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều 6 của Nghị định số 170/2004/NĐ-CP ngày 22/9/2004 của Chính phủ.

Về thu hồi, giao đất, cho thuê đất đối với Công ty cổ phần chè M: Căn cứ Quyết định số 591/QĐ-CT ngày 04/3/2009 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty chè M thành Công ty cổ phần;

Căn cứ Quyết định số 257/QĐ-UBND ngày 05/8/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết đến năm 2010 của Công ty cổ phần chè M, huyện Y, tỉnh Q;

Căn cứ Tờ trình số 21/TTr-CT ngày 25/4/2013 của Công ty cổ phần chè M về việc đề nghị thu hồi đất, giao đất và cho thuê đất để thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của Công ty cổ phần chè M tại xã Y1, huyện Y.

Căn cứ Đơn xin thuê đất của Công ty cổ phần chè M ngày 25/4/2013.

Căn cứ Tờ trình số 110/TTr-TNMT ngày 31/5/2013 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thu hồi đất, giao đất và cho thuê đất để thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của Công ty cổ phần chè M tại xã Y1, huyện Y.

Ngày 18/6/2013, Ủy ban nhân dân tỉnh Q ban hành Quyết định số 198/QĐ-UBND về việc thu hồi, giao đất và cho thuê đất để thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của Công ty cổ phần chè M tại xã Y1, huyện Y, đã thu hồi 3.448.898 m^2 đất do Công ty cổ phần chè M quản lý, sử dụng (ranh giới thu hồi được thể hiện trên bản đồ thu hồi, giao đất, cho thuê đất, tỷ lệ 1/5.000). Trong đó: cho Công ty cổ phần chè M thuê diện tích 944.016 m^2 để sử dụng vào mục đích kinh doanh của Công ty theo quy hoạch được duyệt; giao cho Ủy ban nhân dân xã Y1 quản lý 2.504.881 m^2 diện tích đất Công ty cổ phần chè M trả lại địa phương (ranh giới cho thuê đất và giao đất thể hiện trên bản đồ thu hồi, giao đất và cho thuê đất tỷ lệ 1/5.000).

Quyết định số 198/QĐ-UBND ngày 18/6/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh đã quyết định thu hồi diện tích 3.448.898 m^2 đất do Công ty cổ phần chè M quản lý (có nguồn gốc được giao đất không thu tiền sử dụng đất tại Quyết định số 384/QĐ-UB ngày 17/4/1999 của UBND tỉnh Q) trên địa bàn xã Y1, huyện Y; quyết định cho Công ty cổ phần chè M thuê diện tích 944.016 m^2 và chuyển sang hình thức cho Công ty cổ phần chè M thuê đất, nộp tiền thuê đất hàng năm, phù hợp với quy

định tại Điều 30 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ, ý a, điểm 4.1, khoản 4 Mục II của Thông tư số 04/2005/TT-BTNMT ngày 18/7/2005 Hướng dẫn các biện pháp quản lý, sử dụng đất đai khi sắp xếp, đổi mới và phát triển các nông, lâm trường quốc doanh, khoản 4 và điểm a khoản 5 Điều 6 Nghị định số 170/2004/NĐ-CP ngày 22/9/2004 của Chính phủ.

Như vậy, việc Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 198/QĐ-UBND ngày 18/6/2013 về việc thu hồi, giao đất và cho thuê đất để thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của Công ty cổ phần chè M tại xã Y1, huyện Y là đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Bà Nguyễn Thị V khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Q tuyên hủy một phần Quyết định số 198/QĐ-UBND ngày 18/6/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Q về việc thu hồi, giao đất và cho thuê đất để thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của Công ty cổ phần chè M tại xã Y1, huyện Y là không có cơ sở. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Q xem xét bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V vì không có căn cứ pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty cổ phần chè M trình bày*:

Công ty cổ phần chè M tiền thân là Xưởng chè T10 thuộc Công ty chè L, sau chuyển thành Công ty chè M- là doanh nghiệp Nhà nước, được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất.

Ngày 25 tháng 11 năm 1999, Công ty chè L - Xưởng chè T10 đã ký hợp đồng giao nhận khoán đất trồng chè số 08/HĐK-19 với bà Nguyễn Thị V tại thửa số 09, tờ bản đố số 19, diện tích đất là 5.960m^2, địa chỉ tại thôn 19, xã Y1, huyện Y, tỉnh Q.

Ngày 18 tháng 06 năm 2013, UBND tỉnh Q ban hành quyết định 198/QĐ-UBND về việc thu hồi đất, giao đất và cho thuê đất để thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của Công ty cổ phần chè M tại xã Y1 huyện Y, tỉnh Q (nay là phường M, TP Q, tỉnh Q) trong đó có diện tích đất nhận khoán của bà Nguyễn Thị V theo Hợp đồng 08/HĐK-19, nay là thửa số 16 có diện tích là 6.068,7 m^2 (thông tin trên Biểu số 02 về Danh sách thửa đất cho thuê theo hiện trạng sử dụng đất kèm theo Quyết định 198/QĐ-UBND), ứng với bản đồ địa chính của Công ty cổ phần chè M đang quản lý là thửa số 16 có diện tích là 6.068,7 m^2, tờ bản đồ số 20. Vị trí thửa đất hiện nay tại thôn 26, xã K, TP Q, tỉnh Q.

Sau khi được Nhà nước cho thuê đất, Công ty cổ phần chè M tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình nhưng bà Nguyễn Thị V không thực hiện đúng theo nội dung hợp đồng đã ký kết từ trước. Căn cứ hợp đồng giao, nhận khoán đất trồng chè số 08/HĐK-19 ký với bà Nguyễn Thị V, bà V đã vi phạm điểm d, khoản 2 điều 3; điểm e, khoản 2, điều 3 của hợp đồng. Chính vì vậy Công ty cổ phần chè M đã khởi kiện bà Nguyễn Thị V ra Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Q.

Khoảng năm 2012, bà V cho con trai là ông Nguyễn Hữu T canh tác và sử dụng lô chè được giao nhận khoán. Đến khoảng năm 2018 ông T không bán sản phẩm chè búp tươi vào Công ty, mặc dù được nhắc nhở nhiều lần nhưng ông T vẫn cố tình không hợp tác gây khó khăn cho công tác quản lý của đội cũng như của Công ty. Bà V cho rằng Quyết định 198/QĐ-UBND ngày 18/6/2013 của UBND tỉnh Q ban hành không đúng thì Công ty cổ phần chè M đề nghị Tòa án giải quyết nhanh chóng để các bên không còn vướng mắc và tập trung vào công việc sản xuất kinh doanh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Hữu T và chị Ngô Thị A nhất trí với ý kiến của bà Nguyễn Thị V (mẹ anh T).

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2023/HC-ST ngày 09 tháng 2 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Q đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 30; Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 191; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194; Điều 206 và Điều 348 của Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 44 Luật Đất đai năm 2003.

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 170/2004/NĐ-CP ngày 22/9/2004 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển các nông trường quốc doanh;

Căn cứ Thông tư số 04/2005/TT-BTNMT ngày 18/7/2005 Hướng dẫn các biện pháp quản lý, sử dụng đất đai khi sắp xếp, đổi mới và phát triển các nông, lâm trường quốc doanh;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V và người đại diện theo ủy quyền của bà V, về việc tuyên hủy một phần Quyết định số 198/QĐ-UBND ngày 18/6/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Q về việc thu hồi đất, giao đất và cho thuê đất để thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của Công ty cổ phần chè M tại xã Y1, huyện Y phần liên quan đến thửa số 16, tờ bản đồ số 20, diện tích 6.068,7m^2 (theo Quyết định số 198/QĐ-UBND ngày 18/6/2013 của UBND tỉnh là thửa số 16, tờ bản đồ số 20, diện tích 6.068,7m^2).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 22 tháng 02 năm 2023 và ngày 21 tháng 3 năm 2023, người khởi kiện là bà Nguyễn Thị V nộp đơn kháng cáo và bản bổ sung đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo toàn bộ nội dung của bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm xem

xét lại toàn bộ nội dung Bản án sơ thẩm và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện không rút đơn khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị hủy một phần Quyết định số 198/QĐ-UBND ngày 18/6/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Q về việc thu hồi đất, giao đất và cho thuê đất để thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của Công ty cổ phần chè M tại xã Y1, huyện Y (đối với thửa đất số 9, tờ bản đố số 19, diện tích 5.960m^2; theo Quyết định 198 là thửa số 16, tờ bản đồ 20, diện tích 6.068,8m^2) theo hợp đồng giao khoán vì Quyết định 198 vi phạm pháp luật, thu hồi đất nhưng chưa thông báo đến người dân có đất bị thu hồi, hai bên chưa thanh lý hợp đồng giao nhận khoán, gia đình vẫn sử dụng đất không vi phạm gì.

Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện UBND tỉnh Q vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần chè M vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Ngô Thị A đồng ý với kháng cáo của người khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Tại cấp phúc thẩm người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của luật tố tụng đến trước khi nghị án.

Về nội dung kháng cáo: Trên cơ sở phần tích các tài liệu chứng cứ, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị V.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Người khởi kiện đề nghị hủy một phần Quyết định số 264/QĐ-UBND ngày 26/7/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thu hồi đất, giao đất và cho thuê đất để thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của Công ty cổ phần chè M tại xã Y2, huyện Y. Tòa án nhân dân tỉnh Q xác định đối tượng khởi kiện để thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

[2] Kháng cáo của người khởi kiện được thực hiện trong thời hạn quy định của pháp luật nên đủ điều kiện xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, vắng mặt người bị kiện và một số người có quyền và nghĩa vụ liên quan nhưng người vắng mặt đã nhận được giấy triệu tập hợp lệ hai lần, có đơn xin xét xử vắng mặt nên việc xét xử đảm bảo quy định tại Điều 225 của Luật tố tụng hành chính.

[4] Người khởi kiện kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện (hủy Quyết định số 198/QĐ-UBND ngày 18/6/2013 của UBND tỉnh Q) vì cho rằng Quyết định bị kiện không đúng pháp luật về trình tự, thủ tục và nội dung (không đúng quy định tại Điều 53 và khoản 5 Điều 26 của Luật đất đai 2013). Bà V khẳng định hợp đồng giao nhận khoán giữa bà V đã ký 50 năm với Công ty Chè M đến nay vẫn còn nguyên hiệu lực giá trị nên xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà V.

[5] Nguồn gốc đất: Theo Quyết định số 384/QĐ– UB ngày 17/4/1999 Uỷ ban nhân dân tỉnh Q quyết định thu hồi đất của Xí nghiệp Nông công nghiệp chè T10 (doanh nghiệp nhà nước bị giải thể) giao cho Công ty Chè L.

Ngày 25/11/1999, Xưởng chè T10 (thuộc Công ty chè L) đã ký Hợp đồng giao khoán số 08/HĐK-19 với hộ bà Nguyễn Thị V ký với diện tích 5.960m^2, tại thửa số 9, tờ bản đồ số 19 với thời hạn giao khoán là 50 năm theo Nghị định số 01/CP ngày 04/01/1995 của Chính phủ về việc giao khoán đất sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp trong các doanh nghiệp Nhà nước.

[6] Ngày 11/4/2000, Uỷ ban nhân dân tỉnh Q ban hành Quyết định số 400/QĐ-UB về việc tách phân Xưởng chè T10 trực thuộc Công ty chè L, thành lập Công ty chè M là doanh nghiệp Nhà nước với nhiệm vụ chính là trồng, chế biến, kinh doanh sản phẩm các loại chè. Ngày 04/3/2009, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Q ban hành Quyết định số 591/QĐ-CT về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty chè M thành Công ty cổ phần. Ngày 05/8/2009, Ủy ban nhân dân tỉnh Q ban hành Quyết định số 257/QĐ-UBND về việc phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết đến năm 2010 của Công ty cổ phần chè M, huyện Y, tỉnh Q. Ngày 25/4/2013, Công ty cổ phần chè M có Tờ trình số 21/TTr-CT về việc đề nghị thu hồi đất, giao đất và cho thuê đất để thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của Công ty cổ phần chè M tại xã Y1, huyện Y. Ngày 25/4/2013, Công ty Cổ phần chè M có đơn xin thuê đất. Ngày 31/5/2013, Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành Tờ trình số 110/TTr-TNMT về việc thu hồi đất, giao đất và cho thuê đất để thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của Công ty cổ phần chè M tại xã Y1, huyện Y.

Ngày 18/6/2013, Ủy ban nhân dân tỉnh Q ban hành Quyết định số 198/QĐ-UBND về việc thu hồi, giao đất và cho thuê đất để thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của Công ty cổ phần chè M tại xã Y1, huyện Y, thu hồi 3.448.898 m^2 đất do Công ty cổ phần chè M quản lý, sử dụng. Trong đó: cho Công ty cổ phần chè M thuê diện tích 944.016 m^2 để sử dụng vào mục đích kinh doanh của Công ty theo quy hoạch được duyệt; giao cho Ủy ban nhân dân xã Y1 quản lý 2.504.881 m^2 diện tích đất Công ty cổ phần chè M trả lại địa phương. Trong diện tích đất cho Công ty cổ phần chè M thuê bao gồm cả thửa đất số 9; tờ bản đồ số 19; diện tích

đất là 5.960m^2 (theo Quyết định số 198/QĐ-UBND ngày 18/6/2013 của UBND tỉnh là thửa số 16, tờ bản đồ số 20, diện tích 6.068,7m^2), địa chỉ tại xã Y1, huyện Y, theo hợp đồng giao nhận khoán số 08/HĐK-19 ngày 25/11/1999.

[7] Như vậy, sau khi thực hiện cổ phần hóa, thực hiện chính sách pháp luật về đất đai mới, các quy hoạch sử dụng đất của Công ty được lập và điều chỉnh để phù hợp với tình hình thực tế, Ủy ban nhân dân tỉnh Q ban hành Quyết định số 198/QĐ-UBND ngày 18/6/2013 là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, nội dung theo quy định của pháp luật, đảm bảo theo quy định tại khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 44 của Luật Đất đai năm 2003; mục a điểm 4.1 khoản 4 mục II của Thông tư số 04/2005/TT-BTNMT ngày 18/7/2005 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn các biện pháp quản lý, sử dụng đất đai khi sắp xếp, đổi mới và phát triển các nông lâm trường quốc doanh.

[8] Bà Nguyễn Thị V là người sử dụng đất theo hợp đồng giao nhận khoán, việc thu hồi đất mục đích là chuyển chủ thể chứ không thực hiện giải phóng mặt bằng, các hộ dân vẫn tiếp tục thực hiện hợp đồng giao khoán. Thực tế, từ thời điểm bà V nhận giao khoán thửa số 9, tờ bản đồ số 19 để trồng chè đến nay, gia đình bà V vẫn đang canh tác, sản xuất trên đất theo hợp đồng giao nhận khoán nên việc người khởi kiện cho rằng Quyết định số 198/QĐ-UB ngày 18/6/2013 của UBND tỉnh Q gây thiệt hại đến quyền lợi cho gia đình bà V là không có cơ sở. Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V là có căn cứ nên không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[9] Về án phí: Kháng cáo của bà Nguyễn Thị V không được chấp nhận nhưng bà V là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí hành chính phúc thẩm cho bà V theo quy đinh tại Điểm đ Khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[10] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị V, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2023/HC-ST ngày 09 tháng 2 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Q.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Miễn toàn bộ án phí hành chính phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị V.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị

đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Q;
- TAND tỉnh Q;
- Cục THADS tỉnh Q;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu phòng HCTP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Ngô Quang Dũng